

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: Sắt (II) Sunfat Heptahydrat

Công thức phân tử: $FeSO_4 \cdot 7H_2O$

Mã CAS: 7782-63-0

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Sắt (II) Sunfat Heptahydrat
- Tên khác:** Ferrous sulfate heptahydrate, Iron(II) sulfate
- Công thức hóa học:** $FeSO_4 \cdot 7H_2O$
- Sử dụng đã định:** Dùng trong xử lý nước, phân bón, sản xuất sắc tố, tổng hợp hóa chất, ngành dược
- Thông tin nhà cung cấp:**
 - Tên công ty:** Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
 - MST:** 0314051291
 - Địa chỉ:** 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - SĐT khẩn cấp:** 0909.907.861 (giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MÔI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
 - Gây kích ứng mắt – Nhóm 2A
 - Độc tính cấp tính đường miệng – Nhóm 4
 - Nguy hại cho sinh vật thủy sinh – Nhóm 2
- Từ cảnh báo:** CẢNH BÁO
- Câu cảnh báo nguy hại:**
 - H302: Có hại nếu nuốt phải
 - H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
 - H401: Gây hại cho sinh vật thủy sinh
- Câu phòng ngừa:**
 - P264: Rửa tay sau khi xử lý
 - P270: Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này
 - P301+P312: Nếu nuốt phải, gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ
 - P305+P351+P338: Nếu dính vào mắt, rửa nhiều nước, bỏ kính áp tròng nếu có

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Tên hóa chất:** Sắt (II) Sunfat Heptahydrat
- Công thức:** $FeSO_4 \cdot 7H_2O$
- Mã CAS:** 7782-63-0
- Hàm lượng:** $\geq 95\%$

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Di chuyển nạn nhân đến nơi thông thoáng, hỗ trợ y tế nếu có triệu chứng
- Tiếp xúc da:** Rửa bằng nước và xà phòng
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt bằng nước sạch liên tục ít nhất 15 phút
- Nuốt phải:** Xúc miệng, không gây nôn, tìm sự hỗ trợ y tế ngay

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Tính dễ cháy:** Không cháy
- Chất chữa cháy phù hợp:** Nước, bọt, CO_2 , bột khô
- Sản phẩm cháy nguy hiểm:** Khí độc oxit lưu huỳnh có thể sinh ra khi phân hủy nhiệt
- Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ lọc khí và đồ bảo hộ chịu nhiệt

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- **Biện pháp cá nhân:** Tránh tạo bụi, đeo khẩu trang và găng tay
- **Biện pháp môi trường:** Tránh để rơi vãi ra cống, ao hồ
- **Phương pháp làm sạch:** Thu gom bằng thiết bị không phát tia lửa, chứa trong thùng kín

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Làm việc nơi thông thoáng, tránh hít bụi
- **Bảo quản:** Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng và ẩm
- **Không tương thích:** Chất oxy hóa mạnh, bazơ mạnh

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Gới hạn phơi nhiễm (TWA – OSHA):** 1 mg/m³ (sắt)
- **Trang bị bảo hộ:**
 - **Hô hấp:** Mặt nạ chống bụi
 - **Tay:** Găng tay cao su
 - **Mắt:** Kính bảo hộ
 - **Da:** Quần áo bảo hộ

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Rắn kết tinh
- **Màu sắc:** Xanh lục nhạt
- **Mùi:** Không mùi
- **Điểm nóng chảy:** ~64°C (phân hủy)
- **Tỷ trọng:** ~1.9 g/cm³
- **Độ tan trong nước:** Rất tan
- **pH:** ~3–4 (dung dịch 5%)

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Tính ổn định:** Ổn định trong điều kiện bảo quản thường
- **Phản ứng nguy hiểm:** Phân hủy sinh khí lưu huỳnh độc hại ở nhiệt độ cao
- **Tránh:** Nhiệt độ cao, ẩm, chất oxy hóa

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 (chuột, đường miệng):** ~319 mg/kg
- **Tác hại:** Gây kích ứng da, mắt và hô hấp
- **Tác động mãn tính:** Tích tụ sắt trong cơ thể gây hại gan

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính thủy sinh:** Có hại cho sinh vật thủy sinh ở nồng độ cao
- **Phân hủy sinh học:** Không phân hủy sinh học
- **Tác động môi trường:** Tránh thải ra môi trường tự nhiên

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- **Chất thải:** Xử lý như chất thải nguy hại theo quy định
- **Bao bì thải bỏ:** Rửa sạch, xử lý theo quy định chất thải nguy hại

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** Không phân loại nguy hiểm
- **Nhóm đóng gói:** Không áp dụng
- **Tên vận chuyển:** Ferrous sulfate heptahydrate
- **Quy định vận chuyển:** Không nguy hiểm theo ADR/RID/IMDG

MỤC 15: THÔNG TIN PHÁP LÝ

- **Phân loại hóa chất:** Theo nghị định 113/2017/NĐ-CP (Việt Nam)
- **Quy định an toàn:** Tuân thủ OSHA, GHS, CLP
- **Danh mục kiểm soát:** Có trong danh sách hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày cập nhật:** 07/10/2025
- **Tham khảo:** GHS, PubChem, Merck Index, Quy chuẩn Việt Nam
- **Khuyến cáo:** Chỉ dùng trong công nghiệp, không dùng trong thực phẩm hoặc y tế nếu không được tinh chế chuyên biệt
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế